

Cù lao Giêng – Sự biến đổi địa dư theo thời gian

Võ Nguyên Phong(*)

Đặt vấn đề

Cù lao Giêng, còn gọi là Doanh Châu, là một cù lao lớn nằm trên sông Tiền, bị kẹp bởi hai dòng chảy sông Tiền ở bờ Đông và bờ Tây. Theo thời gian, địa cuộc cù lao Giêng thay đổi mạnh mẽ bởi sự xâm thực dòng chảy, để đến ngày nay cù lao Giêng có diện mạo khá khác biệt so với cách đây hơn 200 năm. Bài viết này khảo sát địa dư cù lao Giêng với những thay đổi địa giới, làng mạc và cả địa danh theo thời gian, vẽ nên một hình ảnh cù lao Giêng trong lịch sử dưới tác động của dòng chảy sông Tiền và cả của con người.

1. Cù lao Giêng và sự biến đổi địa dư theo thời gian

Doanh Châu -Cù lao Giêng ngày nay, thuộc địa giới huyện Chợ Mới tỉnh An Giang, nằm giữa sông Tiền, có diện tích đất lên đến 5.281 ha (chưa kể phần diện tích cồn Én) và là một trong những cù lao lớn nhất vùng thượng lưu Tiền Giang. Trong chính sử, cù lao Giêng đã được ghi chép khá nhiều với danh xưng Doanh Châu hoặc Dinh Châu, là nơi được tướng Long Môn - Trần Thượng Xuyên trấn giữ từ rất sớm. Theo *Đại Nam thực lục*: “Kỷ Mão, năm thứ 8 [1699], mùa thu, tháng 7, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, đắp các lũy Bích Đôi, Nam Vang và Cầu Nam, cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn là Trần Thượng Xuyên đóng giữ Doanh Châu (nay thuộc Vĩnh Long) đem việc báo lên.”¹. Như vậy, phải kể từ lúc tướng Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Chân Lạp năm 1698, đã cử tướng Trần Thượng Xuyên trấn giữ Doanh Châu. Nhưng phải đến năm 1757, khi Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long thì chúa Nguyễn mới chính thức kiểm soát vùng đất rộng lớn này và cho xây dựng hệ thống đồn lũy phòng ngự cho khu vực, trong đó Tân Châu đạo đặt tại Doanh Châu, tức cù lao Giêng ngày nay.

Năm 1820, theo Trịnh Hoài Đức thì khu vực Doanh Châu bao gồm ba cù lao đứng gần nhau: “Cù lao Dinh: Tục danh cù lao Diên, ở thượng lưu Tiền Giang, cách tây trấn

(*) Thạc sĩ, điện thoại liên lạc 0914113819, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.112.

117 dặm. Trước kia là đất đạo Tân Châu, gồm 4 thôn Toàn Đức, Mỹ Hưng, Toàn Đức Đông và Phú Hưng. Cù lao nhỏ Tây Nam: Có 3 thôn Tân Phước, Phú An [Đông] và Tân Tịch ở đây. Cù lao nhỏ Đông Nam, có thôn Tân Thới ở. Ba cù lao đứng nối tiếp, 4 mặt đều sông nước, nghiêm nhiên như cảnh Bồng doanh tam đảo.”². Lúc này khu vực Doanh Châu có 8 thôn là 1. Toàn Đức, 2. Mỹ Hưng, 3. Toàn Đức Đông, 4. Phú Hưng, 5. Tân Phước, 6. Phú An [Đông], 7. Tân Tịch, 8. Tân Thới (Thái) thuộc tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh.

Cùng thời gian này, ngoài ba cù lao nằm gần nhau giữa sông gồm cù lao Doanh Châu, hai cù lao Tiểu Châu đứng liên tiếp nhau, vây quanh còn có cù lao Trâu (Ngư Châu), cù lao Tòng Sơn (hay Tùng Sơn). Theo Trịnh Hoài Đức “Cù lao Ngư (Trâu): ở thượng lưu Tiền giang, có hai thôn Tân Hòa, Tân Thuận ở đây. Thổ nghi là thuốc lá, bông vải và hoa quả. Cù lao Tòng Sơn: ở phía đông sông Mỹ Long thuộc Tiền Giang, có thôn Tòng Sơn ở đây. Bốn mặt đều là sóng nước, trong như tai bèo nổi trên sông; mặt trời chiếu dội cá sông, ngọn gió lật lay chim nước, rất nhiều cảnh trí giang hồ.”³. Nếu kể thêm cù lao Trâu và cù lao Tòng Sơn thì khu vực Doanh Châu còn có thêm 3 thôn là: 9. Tân Hòa, 10. Tân Thuận và 11. Tòng Sơn. Tuy nhiên thời điểm này đã có thôn Mỹ Chánh thuộc tổng Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh, không hiểu vì sao lại không thấy thuộc địa giới cù lao Giêng, có thể là chép thiếu trong phần mô tả khu vực.

Năm 1836, theo địa bạ triều Nguyễn, khu vực Doanh Châu gồm 2 khu vực:

a) Khu vực thuộc tổng An Toàn, huyện Đông Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang, gồm 6 thôn: 1. Mỹ Hưng, 2. Mỹ Chánh, 3. Toàn Đức, 4. Toàn Đức Đông, 5. Phú Toàn, 6. Tân Phước.

b) Khu vực thuộc tổng An Tĩnh, huyện Vĩnh An, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang gồm 5 thôn: 7. Tân Tịch, 8. Tân Thuận, 9. Phú An Đông, 10. Hòa An, 11. Tĩnh Thới.

Thời điểm này, có thể phỏng đoán sự thay đổi tên các thôn: 5. Phú Toàn được đổi từ Phú Hưng, 10. Hòa An được đổi từ Tân Hòa, 11. Tĩnh Thới được đổi từ Tân Thới. Ngoài ra thôn Tòng Sơn lại không thấy, rất có thể thời điểm này thôn Tòng Sơn nhập vào thôn

² Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập Thượng, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, tr.98.

³ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Sđd, tr.98, 99.

khác (có thể nhập vào thôn Hội An), cho dù cù lao Tòng Sơn vẫn còn tồn tại mãi đến ngày nay.

2. Phác thảo diện mạo cù lao Giêng đến đầu thế kỷ XIX

Như vậy khu vực Doanh Châu đến trước năm 1836 gồm 11 thôn đều nằm trên các cù lao trong khu vực gồm cù lao Giêng, hai cù lao Tiểu Châu và cù lao Trâu (chưa kể cù lao Tòng Sơn kề bên). Căn cứ mô tả theo các mô tả của Lê Quang Định (1806), Trịnh Hoài Đức (1820), Địa bạ triều Nguyễn (1836) có thể phác thảo ra sự phân bố các cù lao quanh khu vực, đồng thời xác định đường bờ Đông sông Tiền phần giáp ranh tỉnh Định Tường.

Từ các thông tin phân tích trên, đặc biệt mô tả trong địa bạ năm 1836, xác định đường bờ sông Tiền quanh khu vực Doanh Châu giai đoạn đầu thế kỷ XIX: Phía đông giáp các làng thuộc tỉnh Định Tường: Tân Thạnh, Phong Mỹ, Tân An, Mỹ Trà, An Bình, Mỹ Đảo (có lẽ về sau là Mỹ Thọ), Mỹ Xương; phía Tây giáp các làng thuộc tỉnh An Giang: Tú Điền (về sau là Long Điền), Mỹ Luông, Hội An, Mỹ An (về sau là Mỹ An Hưng) và Tân Mỹ. Xác định khu vực cù lao Giêng và các cù lao khác bị giới hạn bởi các làng trên (theo bờ sông Tiền ở bờ Đông và bờ Tây).

Theo phương thượng hạ lưu theo chiều dòng chảy sông, xác định bởi hai mốc chính quan trọng:

a) **Thượng lưu:** theo Lê Quang Định, đầu cù lao Giêng nằm ngang rạch Trà Thôn hoặc lùi về hạ lưu một chút: “*[từ rạch Trà Thôn] 80 tầm, hai bên bờ nhà cửa quân dân ở liên tiếp nhau, đến đồn phân thủ đạo Chiến Sai, giữa sông là địa đầu của Doanh Châu...*”⁴.

b) **Hạ lưu:** theo Lê Quang Định (1806), đuôi cù lao Giêng nằm ngang cửa ra rạch Cai Châu tại làng Tân Mỹ: “*...đến rạch Cai Châu, rạch rộng 5 tầm, sâu 1 tầm 2 thước, cho đến đầu nguồn hai bên đều có dân cư, phía bắc đối diện với khúc cuối của Doanh Châu (Cồn Doanh).*”⁵.

Như vậy xác định tại thời điểm 1806, cù lao Giêng có quy mô khá lớn và khác biệt với ngày nay với điểm đầu nằm ngang rạch Trà Thôn tại làng Tú Điền (Long Điền về sau), điểm cuối nằm ngang rạch Cai Châu tại làng Tân Mỹ (đối diện thành phố Cao Lãnh

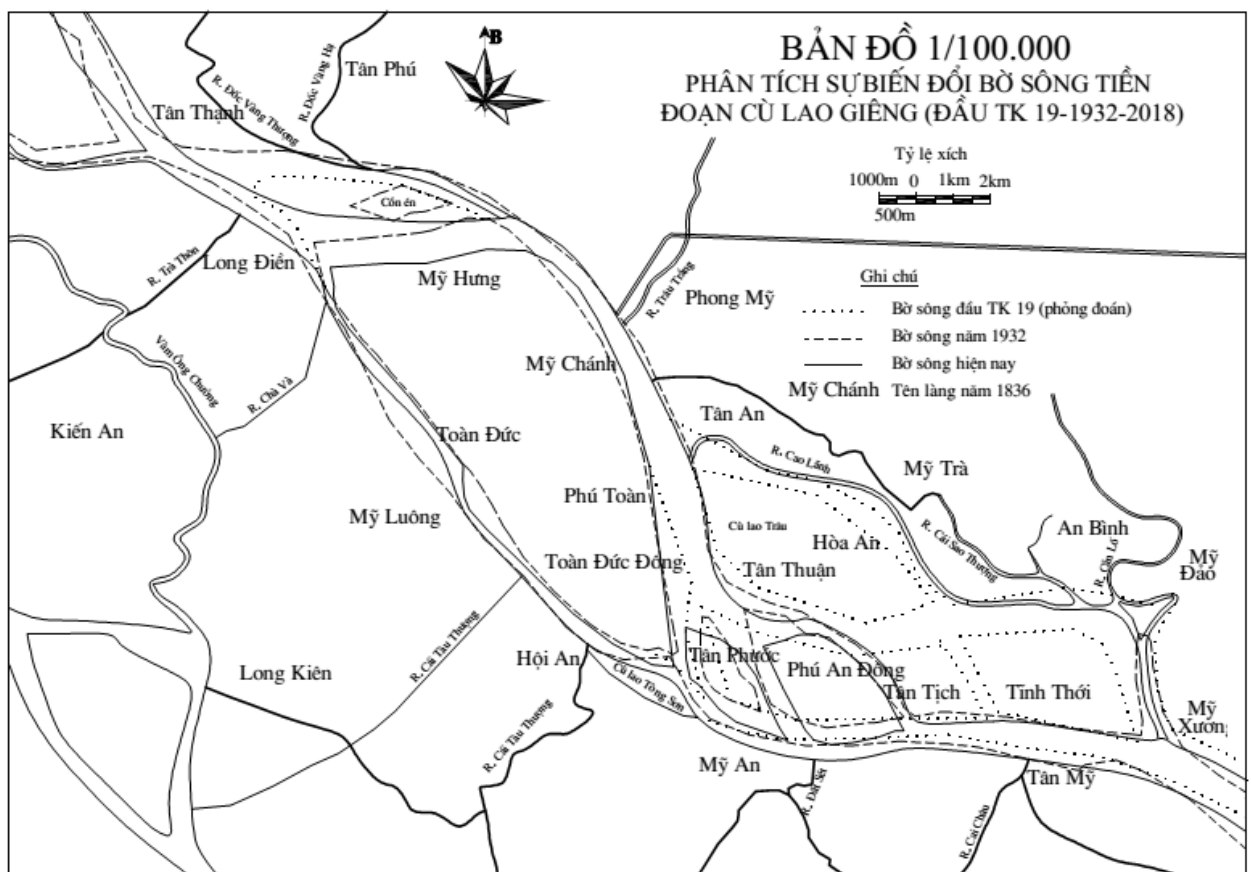
⁴ Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.104.

⁵ Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Sdd, tr.104.

ngày nay). Rất có thể, các cù lao Tiểu Châu nằm hạ lưu cù lao Giêng như mô tả của Trịnh Hoài Đức (1820) là một phần cù lao Giêng bị chia cắt bởi dòng chảy sông Tiền, hình thành nên cù lao nhỏ Tây Nam có 3 thôn: Tân Phước, Phú An [Đông] và Tân Tịch. Cù lao nhỏ Đông Nam có thôn Tân Thới. Đây chính là khúc cuối của cù lao Doanh Châu mà theo Lê Quang định (1806) nằm đối ngang rạch Cai Châu tại làng Tân Mỹ.

Để chi tiết hơn, sử dụng bản đồ khu vực vẽ trong các năm 1863, 1899, 1932 và hiện nay để phân tích thành các giai đoạn biến đổi địa cuộc khu vực Doanh Châu. Từ kết quả xác định cho các giai đoạn, kết hợp các thông tin từ *Địa bạ triều Nguyễn* (1836), Trịnh Hoài Đức (1820), Lê Quang Định (1806) sẽ phác thảo dự kiến quy mô và vị trí các cù lao phân bố trong khu vực và đường bờ sông Tiền dự kiến ở thời điểm đầu thế kỷ XIX.

Phân tích các dữ kiện bản đồ theo thời gian, giới hạn đến quãng đầu thế kỷ XIX: Theo các bản đồ năm 1863 và năm 1899, tại vị trí cửa hạ lưu sông Cao Lãnh, rạch Càn Lồ và Cái Sao Thượng với sông Tiền, tồn tại một đoạn sông cong có kích thước khá lớn và dấu vết đến ngày nay nó còn mang tên là rạch Sông Tiền. Nhận định đây chính là dòng chủ lưu đoạn sông Tiền trong lịch sử. Chính vì đi qua khu vực có đến bốn dòng nước tụ lại, hình thành vùng nước xoáy khá mạnh tại đây và có xu thế mở rộng rất lớn trước khi đổi dòng về phía nam và nhập với dòng chảy bờ Tây sông Tiền.



Bản đồ khu vực cù lao Giêng (đầu thế kỷ XIX – 1932 – ngày nay)

(Nguồn: Tác giả)

Như đã trình bày, vì bị ngăn cách cù lao Giêng nên sông Tiền chia làm hai dòng chảy phía đông và phía tây tại vị trí đầu cù lao vùng Chợ Thủ và nhập lại ở khoảng vùng cửa ra của sông Cao Lãnh và sông Tiền ngày nay. Tuy nhiên, ở thời điểm năm 1820, dòng phía đông (dòng chủ lưu) đã cắt đứt cù lao Doanh Châu ở khu vực gần cù lao Tòng Sơn, nhập dòng chảy phía đông vào dòng chảy phía tây như ngày nay, hình thành nên hai cù lao Tiểu Châu ở Tây Nam và Đông Nam như ghi chép của Trịnh Hoài Đức. Trước đó ở thời điểm năm 1806, cù lao Doanh Châu có thể đã hình thành việc xói lở này nhưng chưa chia tách hẳn nên người ta vẫn còn ghi nhận khúc cuối cù lao Doanh Châu nằm đối ngang rạch Cai Châu tại làng Tân Mỹ.

Như vậy, nhận định hai cù lao Tiểu Châu: Cù lao nhỏ Tây Nam với ba làng Tân Phước, Phú An [Đông] và Tân Tịch; cù lao nhỏ Đông Nam với thôn Tân Thới, ngày nay là Tỉnh Thới thuộc cù lao Doanh Châu là phù hợp. Điều này giải thích cho địa bạ triều Nguyễn, các làng An Phú Đông, Tân Tịch thuộc xứ cù lao Nhiên, mà rất có thể là cù lao Giên hay Giêng. Tại chính cù lao Giêng ngày nay có làng Mỹ Hưng thuộc xứ cù lao Nhiên. Và rất có thể làng Toàn Đức cũng thuộc xứ cù lao Nhiên, khi trong địa bạ An Giang dịch là Nhiên Câu (Châu?).

Tại vị trí khu vực đầu cù lao Giêng vào thời điểm năm 1932, dòng chủ lưu chảy phía bắc cồn Én, phía nam cồn là dòng phụ lưu của nhánh Đông sông Tiền. Nhận định sơ bộ, cồn Én chính là một phần của cù lao Giêng bị xói lở và chia tách ra với cù lao Giêng, hình thành nên dòng chảy phía nam cồn. Theo thời gian đến ngày nay, dòng chủ lưu phía Bắc cồn Én hoàn toàn bị biến mất và đang bồi lấp, chiều rộng bãi bồi đến nay so năm 1932 lên đến 1.400 m, đẩy chảy dòng chủ lưu bờ Đông sông Tiền xuống phía nam cồn Én. Phân tích xa hơn về trước đó, đầu thế kỷ XIX đầu cù lao Giêng nằm đối ngang hoặc thấp hơn một chút về hạ lưu đoạn giữa rạch Trà Thôn – Chợ Thủ và rạch Đốc Vàng Thượng.

3. Nhận xét sự biến đổi địa cuộc cù lao Giêng từ đầu thế kỷ XIX đến nay

- Quy mô cù lao Giêng ở giai đoạn đầu thế kỷ XIX là rất lớn so với ngày nay, có chiều dài lên đến hơn 20 km, kéo dài từ rạch Trà Thôn (làng Long Điền - Chợ Mới – An Giang) đến rạch Cai Châu (làng Tân Mỹ - Lấp Vò – Đồng Tháp). Quanh cù lao Giêng còn có hệ thống cù lao nhỏ như cù lao Trâu phía đông, cù lao Tòng Sơn phía tây.

- Ở hai bờ Đông và Tây cù lao có tồn tại hai dòng chảy sông Tiền, gần tương tự như ngày nay nhưng dài hơn vì bị ngăn cách bởi cù lao Giêng, trong đó dòng chảy phía đông

là dòng chủ lưu. Dòng chủ lưu ở bờ Đông chính là ranh giới tự nhiên ngăn cách các làng thuộc Định Tường và An Giang, phỏng đoán lúc này đường bờ Đông sông Tiền khu vực qua Cao Lãnh uốn lượn theo tuyến rạch Cao Lãnh ngày nay và lấn sâu về phía bắc tại vị trí hợp lưu của rạch Cái Sao Thượng, rạch Cần Lố.



Bản đồ 1/106.000 khu vực hạ lưu cù lao Giêng năm 1869

(Nguồn: Thư viện Quốc gia Pháp)

- Sự biến đổi mạnh mẽ của dòng chủ lưu sông Tiền trong khu vực, đặc biệt giai đoạn từ năm 1820 trở đi, dòng chảy bờ Đông đã cắt đứt hẳn phần cù lao Giêng phía hạ lưu để nhập vào dòng chảy bờ Tây tại khu vực hạ lưu cù lao Tòng Sơn, và đến năm 1863 dấu vết dòng chủ lưu sông Tiền bờ Đông chỉ còn một đoạn từ vị trí cửa ra rạch Cần Lố kéo dài về thượng lưu chừng 5 km với bề rộng giảm dần. Thời điểm này dòng chảy bờ Đông đã nhập vào dòng chảy bờ Tây giống như ngày nay và theo quy luật bờ cong, bờ Tây bị xói lở và bờ Đông được bồi đắp. Theo thời gian và đến ngày nay, phía bờ Đông đã được bồi đắp gần như toàn bộ, các cù lao vùng hạ lưu được nối lại với nhau gồm cù lao Trâu, hai cù lao Tiểu Châu; các dấu vết sông cổ giáp đất liền hầu như không còn tồn tại. Khu vực này ngày nay thuộc địa giới thành phố Cao Lãnh.

- Đoạn trên Doanh Châu tính từ vị trí cù lao Tòng Sơn lên thượng lưu ngày nay chính là cù lao Giêng hiện hữu, vẫn tuân theo quy luật xói lở bồi đắp sông ngòi: đầu cù lao bị xói lở và đuôi cù lao dần kéo dài về hạ lưu. Một số vấn đề khác như dòng chủ lưu sông Tiền đoạn này có xu thế nhỏ dần so trước đó, nó có liên quan đến sự mở rộng sông Vàm Nao phía thượng lưu nên lưu lượng dòng chảy suy giảm dần dẫn đến mặt cắt phía hạ lưu cũng giảm. Cần có những nghiên cứu tổng thể từ đầu nguồn sông Tiền ở biên giới

đến khu vực cù lao Giêng để có những kết luận chính xác hơn cho việc thay đổi bề rộng mặt cắt sông Tiền qua khu vực Doanh Châu.

Thay lời kết

Việc phân tích địa dư cho một khu vực rộng lớn như khu vực cù lao Giêng trong lịch sử là điều khá khó khăn, nhất là trong điều kiện tư liệu khá ít và phần lớn dựa vào những ghi chép để phỏng đoán, vì vậy khó tránh khỏi những sai lầm. Tuy nhiên tác giả mong muốn phác thảo ra một cấu trúc khu vực cù lao Giêng trong lịch sử và quá trình biến đổi địa cuộc đến ngày nay.

Các địa danh cổ trong khu vực phần lớn còn lại dấu vết, một số ít đã có sự biến đổi khá khác biệt. Để hiểu hơn những tư liệu ghi chép cổ, cần có những nghiên cứu chuyên sâu hơn về các lớp địa danh qua từng thời kỳ, góp phần sáng tỏ thêm những hiểu biết của lớp hậu thế với công cuộc khai phá miền Tiền Giang của tiền nhân.

Ngày nay cù lao Giêng với một diện tích rộng lớn nằm giữa đôi dòng Tiền Giang, là vùng đất trù phú bậc nhất với các cánh đồng bát ngát, những vườn cây ăn quả trĩu nặng, vô số kênh rạch chằng chịt tạo nên một miền quê yên bình. Nơi đây chứa đựng biết bao biến cố lịch sử, bao khó khăn chất chồng, bao cuộc đời lam lũ của những lớp lưu dân Việt hàng vài trăm năm trước, để đến ngày nay cù lao Giêng là một mảnh đất thanh bình bên dòng Tiền Giang thơ mộng trĩu nặng phù sa./.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, tập Thượng, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
3. Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. *Carte générale de la Basse – Cochinchine*, dressée par ordre de M. le vice-amiral Bonnard; d'après les travaux exécutés en 1861 et 1862 par MM L. Manen; et G. Héraud,...1863.
5. *Carte topographique [de Cochinchine]*, dressée et dessinée par ordre de M. le Général de brigade Faron; par MM. Cullar et de Villebois, 1869, tỷ lệ 1/106.000.
6. *Bản đồ Sai Gon*, Bureau Topographique des Troupes de l'Indochine- Etant Chef de Service: Commandant Lubanski, 1899, tỷ lệ 1/500.000.
7. *Bản đồ Long Xuyên (Est, Ouest)*, Carte de l'Indochine N°228, 1932, tỷ lệ 1/100.000.